

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện chính sách, pháp luật
hành chính công trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Theo đề nghị của Ban Soạn thảo Dự án Luật hành chính công - Ủy ban thường vụ Quốc hội tại Công văn số 07/BSTDALHCC ngày 20/4/2017 về việc đánh giá tình hình thực hiện chính sách, pháp luật hành chính công; UBND tỉnh Bình Định báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật hành chính công trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến nay, cụ thể như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT
VỀ HÀNH CHÍNH CÔNG**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, UBND năm 2004; Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/09/2006 do Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, UBND; Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/04/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các Thông tư hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện công tác xây dựng ban hành văn bản, công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật trên tất cả các lĩnh vực của tỉnh. Trên cơ sở đó, đề xuất, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung các văn bản còn hạn chế, bất cập, khó triển khai thực hiện trong thực tiễn tại địa phương.

Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 về việc ban hành Quy định quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 quy định mức chi đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các cấp tỉnh Bình Định. Bên cạnh đó, hàng năm UBND tỉnh ban hành các Quyết định, kế hoạch, Công văn chỉ đạo công tác soạn thảo, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa của năm, như: Quyết định về Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh hàng năm; Kế hoạch về tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành; Kế hoạch về

thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, hệ thống văn bản pháp quy về cơ chế, chính sách nhằm tăng cường sự phối hợp giữa các cấp chính quyền, các sở, ngành ngày càng phát huy hiệu quả tích cực trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, góp phần thu hút đầu tư, đảm bảo môi trường kinh doanh được thông suốt, công khai và minh bạch, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và công tác ban hành văn bản của tỉnh vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Cụ thể, một số thể chế và quy định của pháp luật chưa phù hợp với thực tế, còn thiếu tính khả thi. Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành ngày càng nhiều, thường xuyên được sửa đổi bổ sung, tính ổn định chưa cao, một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn. Công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đôi lúc chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý ở địa phương; việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đôi lúc còn chậm; việc ban hành văn bản mới thay thế, sửa đổi, bổ sung chưa kịp thời; một số lĩnh vực phát sinh trong đời sống xã hội nhưng chưa có văn bản pháp luật điều chỉnh.

(Có các Phụ lục chi tiết kèm theo báo cáo)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ HÀNH CHÍNH CÔNG

1. Về những nguyên tắc chung trong quản lý, điều hành

a) UBND tỉnh đã chỉ đạo tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các sở, ngành, quy chế tổ chức hoạt động của các tổ chức quản lý liên ngành, các đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật đối với các nguyên tắc chung trong hoạt động quản lý, điều hành, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; đã phân định được hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước với hoạt động của đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thông qua các thể chế phân cấp về tổ chức, nhân sự, tài chính công; từng bước xã hội hóa việc cung ứng các dịch vụ công. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo tiến hành rà soát, sáp nhập, giải thể các cơ quan, đơn vị hoạt động chưa hiệu quả, chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn và theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn thiện Quy chế làm việc của UBND các cấp theo hướng đề cao trách nhiệm người đứng đầu và từng thành viên trong toàn bộ hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp. Đồng thời, từng bước hoàn thiện quy trình xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của UBND, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan tham mưu, cơ quan thẩm định trước khi ban hành các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND các cấp; coi trọng việc đối thoại với nhân dân và trả lời các chất vấn trong các kỳ họp HĐND các cấp.

b) Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp của tỉnh vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: 

- Công tác triển khai quán triệt cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết ở các cấp, các ngành có lúc còn chưa kịp thời, thiếu đồng bộ. Hàng năm vẫn còn một số chỉ tiêu đạt thấp so với Nghị quyết của HĐND; còn tổ chức hội họp nhiều, nhưng hiệu quả, chất lượng công việc chậm chuyển biến; chế độ thông tin báo cáo một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc, chất lượng báo cáo còn hạn chế; trong hoạt động của UBND thực tế rất khó xem xét, phân định rõ trách nhiệm cá nhân người đứng đầu UBND, tập thể UBND.

- Việc triển khai các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Pháp lệnh của Chính phủ và tổ chức lấy ý kiến địa phương của các Bộ, ngành Trung ương có thời gian gấp, nên chất lượng lấy ý kiến không cao; sự phối hợp giữa các Bộ, ngành Trung ương với địa phương có lúc thiếu chặt chẽ, có những điểm chưa thông suốt, khi có những vấn đề phát sinh tỉnh cần xin ý kiến từ các Bộ, ngành Trung ương thì chưa được đáp ứng kịp thời. Quan hệ giữa tỉnh với Trung ương có lúc, có nơi vẫn còn cơ chế “xin-cho”, làm cho địa phương gặp lúng túng; việc ban hành các Thông tư hướng thực hiện còn chậm, chưa thống nhất.

- UBND một số địa phương chưa phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cùng cấp. Không thường xuyên làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo quy định; chế độ thông tin báo cáo, kiến nghị đề xuất với UBND cấp trên có lúc chưa đầy đủ, thiếu kịp thời. Việc thực hiện mô hình nhất thể hóa Bí thư Đảng ủy xã đồng thời là Chủ tịch UBND xã tại một số địa phương còn gặp một số khó khăn nhất định trong lãnh đạo, điều hành và xử lý công việc. Một số UBND xã xây dựng quy chế làm việc, mối quan hệ công tác vẫn chưa rõ ràng, cụ thể, nên trong quá trình thực hiện có mặt còn chông chéo.

c) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp:

- Chỉ đạo việc xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của UBND nhiệm kỳ 2016 – 2021 trong hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND các cấp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, nhằm nâng cao tính chủ động, trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch UBND, các thành viên UBND và tập thể UBND các cấp.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; đổi mới phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị cung cấp dịch vụ công ích; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, nhất là các giải pháp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định cụ thể về trách nhiệm, phương thức và chế tài xử lý trong việc tổng hợp, theo dõi, đôn đốc thực hiện các việc chậm, tồn đọng và đánh giá hiệu quả giải quyết công việc ở các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh, tăng cường việc kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới; của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trong thực thi công vụ, triển khai,

thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; bảo đảm nâng cao và xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh việc khó, dành việc dễ, thậm chí không chấp hành đúng ý kiến chỉ đạo, điều hành của cấp trên.

- Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, từ đó xác định và đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước trong triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

2. Về thủ tục hành chính công

a) UBND tỉnh đã tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác đơn giản hóa thủ tục hành chính có liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp để hạn chế sự phiền hà, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong giải quyết công việc. Các ngành, các cấp đã tích cực triển khai thực hiện, yêu cầu các cơ quan chuyên môn trực thuộc tăng cường trách nhiệm phối hợp trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ; các sở, ngành, địa phương của tỉnh đã tập trung thực hiện công tác rà soát, tiến hành bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế thủ tục hành chính để thực hiện công bố lại các bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh; tổ chức công khai đầy đủ các thủ tục hành chính và địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức cá nhân trên Cổng thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cơ quan hành chính các cấp thực hiện các nội dung nhằm tăng cường phối hợp trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát thủ tục hành chính, Kế hoạch triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm và các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các nội dung về công tác rà soát, niêm yết công khai thủ tục hành chính và thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc nhắc nhở việc tăng cường hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Theo đó, hầu hết các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thiết lập, kiện toàn Tổ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính với số lượng 239 cán bộ thuộc 03 cấp (tỉnh, huyện, xã); thực hiện công bố lại 20/20 Bộ thủ tục hành chính các sở, ngành; ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 1.160 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 199 thủ tục hành chính cấp huyện, 128 thủ tục hành chính cấp xã.

b) Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc như sau:

- Nhận thức về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính của một số cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa đầy đủ. Hệ thống cán bộ, công chức đầu mối tham

 4

muu về kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi nhân sự, nhiều công chức, viên chức có kinh nghiệm chuyển sang công tác khác, việc nắm bắt nhiệm vụ và tham mưu, đôn đốc, hướng dẫn của cán bộ mới còn nhiều hạn chế.

- Việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP quy định phải "được tiến hành trong giai đoạn dự thảo văn bản quy phạm pháp luật". Tuy nhiên, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Thông tư số 07/2014/TT-BTP chưa quy định rõ biện pháp để giám sát và hỗ trợ hướng dẫn cơ quan chủ trì soạn thảo nhằm đảm bảo thực hiện đồng thời việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong quá trình dự thảo văn bản. Thực tế cho thấy, nhiều cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ thực hiện việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính sau khi gửi lấy ý kiến, thẩm định và được Sở Tư pháp yêu cầu bổ sung.

- Việc công bố một số thủ tục hành chính của một số bộ, ngành còn chậm so với quy định, nên ảnh hưởng đến thời gian công bố thủ tục hành chính của địa phương theo hình thức "sao y nội dung bản chính". Hình thức gửi Quyết định công bố của các bộ, ngành cho Sở Tư pháp các tỉnh cũng chưa được thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP; dẫn đến Sở Tư pháp khó nắm bắt kịp thời để giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh công bố bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện, xã.

- Việc phát hiện các vướng mắc, bất cập về thủ tục hành chính và chủ động kiến nghị phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải tiến thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện còn chậm và chất lượng chưa cao. Khối lượng công việc và yêu cầu về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP khá phức tạp, trong khi nguồn lực của cơ quan, địa phương còn hạn chế, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Vai trò của người dân trong việc góp ý, hiến kế và giám sát việc ban hành quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính chưa được phát huy. Mức độ tham gia các phản ánh, kiến nghị, đề xuất, sáng kiến của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính còn ít, chưa đáng kể.

c) Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng kiểm soát hành chính công:

- Tiếp tục triển khai có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tư pháp.

- Tiếp tục kiện toàn và nâng cao nhận thức về kiểm soát thủ tục hành chính cho hệ thống cán bộ đầu mối và các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính thông qua việc tập huấn nghiệp vụ và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính; tăng cường việc phổ biến, quán triệt về tầm quan trọng của nhiệm vụ này đến các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thủ tục hành chính hoặc tham mưu xây dựng các quy định về thủ tục hành chính. 

- Thực hiện nghiêm túc quy trình đánh giá tác động và lấy ý kiến, thẩm định đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

- Thực hiện kịp thời việc công bố, công khai thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, đề xuất, sáng kiến về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính theo đúng quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại tất cả các cơ quan hành chính nhà nước và các tổ chức được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTP ngày 31/12/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; chú trọng triển khai bằng hình thức tự kiểm tra. Tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời chấn chỉnh các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức.

- Tăng cường công tác rà soát thủ tục hành chính, yêu cầu mỗi cơ quan, địa phương hằng năm có ít nhất đề xuất sáng kiến cải tiến thủ tục hành chính. Trong đó, chú trọng việc áp dụng cơ chế một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3. Về dịch vụ công

a) UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 (thay thế Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012) Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh và thường xuyên chỉ đạo việc đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan hành chính của tỉnh củng cố, kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính các cấp và xây dựng các đề án thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo nhiệm vụ được phân công chủ trì.

Kết quả đến nay, có 20/21 (95%) cơ quan hành chính cấp tỉnh; 11/11(100%) UBND cấp huyện; 145/159 (91%) UBND cấp xã đã triển khai và tiếp tục duy trì thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định. Bộ phận một cửa đã công khai, niêm yết danh mục thủ tục hành chính, hòm thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng. Tại UBND huyện Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương đã triển khai giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình “Một cửa điện tử” với việc ứng dụng công nghệ thông tin đã giúp tổ chức, công dân thuận tiện trong việc nộp hồ sơ, thủ tục và theo dõi quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông qua Cổng/Trang thông tin điện tử.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo việc đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính minh bạch, cạnh tranh của công tác cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công. Từ năm 2014, tỉnh đã tiến hành việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với một số dịch vụ công còn có dư luận bức xúc (đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục) để tìm ra những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong việc cung cấp dịch vụ công, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức từng bước nâng cao

hiệu quả thực chất của cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.

b) Tuy nhiên, việc ban hành các cơ chế, chính sách để quản lý, tổ chức thực hiện dịch vụ công chưa đồng bộ, kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, cụ thể:

- Đối với việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006) đã giao cho các Bộ, ngành Trung ương xây dựng và trình Chính phủ sửa đổi, ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực. Tuy nhiên, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác lại quy định các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác đang được cấp có thẩm quyền giao cơ chế tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP thì tiếp tục được thực hiện đến hết năm 2016, đã dẫn đến sự lúng túng trong triển khai thực hiện tại địa phương.

Chưa ban hành các quy định hướng dẫn việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong từng lĩnh vực, các Bộ, ngành Trung ương nên chưa có cơ sở để triển khai thực hiện.

- Đối với dịch vụ công ích thủy lợi, theo quy định của Thông tư 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì kể từ ngày 01/01/2017, sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được chuyển từ phí sang giá theo quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015. Tuy nhiên cho đến nay, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương chưa quy định cụ thể về đối tượng phải nộp giá dịch vụ và đối tượng được miễn khi sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi, đã gây khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện việc xây dựng và thẩm định dự toán kinh phí đặt hàng; tạm ứng kinh phí đặt hàng năm 2017 đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Đối với việc triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho thủ tục Đăng ký giá, kê khai giá trực tuyến, chưa được quy định cụ thể trong Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định cách thức thực hiện và tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, nên không thể áp dụng chế tài xử phạt các doanh nghiệp khi không thực hiện thủ tục đăng ký giá, kê khai giá theo hình thức Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Đề xuất giải pháp nâng cao việc thực hiện cung ứng dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích: 

- Đẩy mạnh thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ của các cơ quan, đơn vị về thực hiện cải cách hành chính nhà nước của các ngành, các cấp. Hàng năm, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức việc kiểm tra, giám sát theo chuyên đề và tổ chức việc giám sát thường xuyên việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nhất là việc cung cấp ứng dụng dịch vụ hành chính công, sự nghiệp công và dịch vụ công ích tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh.

- Tăng cường thực hiện đối thoại giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp. Đưa nội dung tổ chức việc chất vấn Thủ trưởng các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước tại các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, biện pháp cụ thể để khuyến khích phát triển và đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công ở các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, văn hoá, thể dục thể thao...; quản lý các dịch vụ công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì việc tổ chức, khảo sát đánh giá sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với một số dịch vụ hành chính công, sự nghiệp công và dịch vụ công ích, trên cơ sở mức độ hài lòng của người dân, tổ chức để đề ra những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong việc cung cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ.

4. Về chính quyền điện tử

a) Triển khai thực hiện Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính quyền điện tử, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 phê duyệt nội dung điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bình Định đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính quyền điện tử.

Theo đó, các sở, ngành và địa phương của tỉnh đã tích cực triển khai mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành; áp dụng các công cụ, phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại trong các cơ quan hành chính nhà nước tạo ra bước đổi mới trong phương thức chỉ đạo, điều hành; tăng cường hình thức họp, giao ban, trao đổi trực tuyến giữa UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn của tỉnh với các địa phương, giữa các cơ quan hành chính cùng cấp và giữa cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp và công dân; kịp thời giải đáp và tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của người dân và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đến nay, cơ sở hạ tầng thông tin của hầu hết cơ quan từ cấp huyện trở lên đã được trang bị hoàn chỉnh đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính, 100% cơ quan đã xây dựng hệ thống mạng nội bộ (LAN) và kết nối mạng internet tốc độ cao; tiến hành thiết lập hệ thống giao ban trực tuyến tại Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và giữa Văn phòng UBND tỉnh với 11/11



UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Bên cạnh kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bình Định vẫn còn gặp một số khó khăn, hạn chế:

- Trang thiết bị tại Data Center của tỉnh còn thiếu, chưa trang bị kịp thời, hệ thống dự phòng còn hạn chế, gây khó khăn cho việc đảm bảo hệ thống chạy liên tục 24/24h trong thời gian qua.

- Một số địa phương, đặc biệt là các huyện miền núi thì nguồn kinh phí hạn chế nên chưa trang bị đầy đủ hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

- Hệ thống văn phòng điện tử đã triển khai đồng bộ cho các cơ quan nhà nước của tỉnh; tuy nhiên hiệu quả khai thác và sử dụng hệ thống tại các cơ quan, đơn vị còn hạn chế; còn vướng mắc về tính pháp lý của các văn bản điện tử thực hiện giao dịch trên hệ thống dùng chung của tỉnh; chưa có quy định mang tính pháp lý, hướng dẫn thống nhất quy trình lưu trữ điện tử đã gây khó khăn, lúng túng cho các cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác lưu trữ.

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thuộc Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 bị chậm so với tiến độ, đã ảnh hưởng đến công tác triển khai một số dịch vụ công trực tuyến liên quan đến xác thực thông tin cá nhân, cản trở quá trình xây dựng và triển khai chính quyền điện tử.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến gặp nhiều khó khăn, số lượng người dân, doanh nghiệp vẫn còn quen với việc nộp hồ sơ trực tiếp, ngại tiếp cận các dịch vụ công nghệ thông tin. Phần lớn các đơn vị tiếp nhận hồ sơ trực tiếp và tiến hành cập nhật vào hệ thống, lưu trữ và xử lý hồ sơ thông qua hệ thống.

c) Đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước và thực hiện kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh:

- Đề nghị các cấp các ngành đảm bảo việc triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước có sự gắn kết và đồng bộ với kế hoạch cải cách hành chính nhà nước.

- Các cơ quan nhà nước đẩy mạnh việc sử dụng văn bản điện tử trong giao dịch với các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; tăng cường công tác tuyên truyền cho người dân và doanh nghiệp về lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Đảm bảo nhân lực có trình độ về công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phục vụ hiệu quả công tác triển khai các ứng dụng hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

5. Về kiểm soát hành chính công

a) Trong thời gian qua, thực hiện các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kiểm soát hành chính công, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản


9

quy định về tổ chức, hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Thông qua việc thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra hành chính, kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra công vụ nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý cơ quan, tổ chức vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng công chức và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động công vụ.

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 11/10/2016 về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về cải cách hành chính và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan nhà nước các cấp; Quyết định số 4683/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 về việc thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định và tiến hành kiểm tra tại một số sở, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã. Kết quả kiểm tra cho thấy, vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị (nhất là đối với cấp xã) không chấp hành kỷ luật, kỷ cương làm việc không nghiêm, thời gian làm việc không đảm bảo theo quy định. Một số UBND cấp xã chưa xây dựng quy chế làm việc nhiệm kỳ mới, còn sử dụng quy chế cũ để hoạt động dẫn đến chưa phân định trách nhiệm của tập thể UBND, trách nhiệm cụ thể của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND và các chức danh cán bộ, công chức; một số xã còn tồn tại nhiều thiếu sót trong quản lý cán bộ, công chức và xây dựng các quy tắc ứng xử trong điều hành, tổ chức hoạt động tại cơ quan, đơn vị.

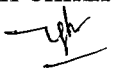
b) Việc thực hiện các quy định về kiểm soát hành chính công trong quản lý, điều hành vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

- Chất lượng ban hành, năng lực thực thi các quy định, cơ chế, chính sách còn chưa cao, chưa sát tình hình thực tiễn; một số văn bản quy phạm pháp luật còn mâu thuẫn, bất cập, chưa đúng với quy định cấp trên, không phù hợp với thực tiễn. Cơ cấu tổ chức, bộ máy bên trong một số sở, ngành, địa phương có sắp xếp, kiện toàn nhưng vẫn chưa thực sự tinh gọn, vẫn còn xu hướng tăng thêm tổ chức và biên chế; một số lĩnh vực quản lý nhà nước vẫn còn chồng chéo, công tác kiểm tra sau phân cấp trên một số lĩnh vực (khoáng sản, đất đai,...) chưa được thực hiện có hiệu quả.

- Năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất, ý thức kỷ luật và kỹ năng làm việc của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu. Còn có những bất cập, hạn chế trong quy hoạch, thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác cải cách hành chính đã được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, tại một số sở, ngành, địa phương còn hạn chế.

c) Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát hành chính công trong quản lý, điều hành:



- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm về xử lý trách nhiệm cá nhân vi phạm và trách nhiệm liên đới trước cơ quan quản lý cấp trên trong việc chấp hành các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính và để xảy ra hành vi những nhiều, phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp

- Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công chức, công vụ theo Chỉ thị 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh, xử lý nghiêm đối với những trường hợp vi phạm.

6. Mọi quan hệ, xác định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động hành chính công

a) Trên cơ sở tiếp tục triển khai phân cấp theo Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều giải pháp tích cực, cụ thể để đổi mới, tăng cường phân cấp quản lý nhà nước giữa tỉnh và các cấp chính quyền địa phương, giữa cơ quan cấp trên với cơ quan cấp dưới.

Theo đó, chính quyền các cấp đã được tăng thêm thẩm quyền, trách nhiệm trong việc quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quyết định các dự án đầu tư theo quy mô nguồn vốn; phân bổ và điều hành ngân sách địa phương; quản lý đất đai, tài nguyên; cấp phép xây dựng; cấp phép kinh doanh, quản lý doanh nghiệp; quản lý các hoạt động sự nghiệp và quyết định một số vấn đề về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức; công tác tư pháp, hộ tịch; bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội; cấp đăng ký ô tô, xe máy, cấp chứng minh nhân dân, quản lý xuất nhập cảnh, hộ tịch, hộ khẩu...; việc tổ chức thực hiện, bảo đảm nguyên tắc làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành và UBND các cấp, kết hợp với đơn giản hoá các thủ tục hành chính; khắc phục những bất hợp lý về thẩm quyền và thủ tục, quy trình giải quyết công việc đối với tổ chức, doanh nghiệp và công dân. Việc tăng cường thực hiện phân cấp đã gắn với công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm phiền hà, giải quyết nhanh gọn thủ tục cho công dân và doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực, nhất là về đất đai, xây dựng.

Nhằm mục đích phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của UBND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh Bình Định, góp phần làm chuyên biến tích cực trong hoạt động của chính quyền địa phương cũng như của các sở, ngành của tỉnh.

b) Trong thời gian qua, phân cấp quản lý giữa Trung ương - địa phương đã được đẩy mạnh triển khai, cùng với việc tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các

zph
11

nhiệm vụ đã được phân cấp thẩm quyền trên nhiều lĩnh vực đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong hoạt động của tỉnh. Tuy nhiên, việc thực hiện phân cấp trên lĩnh vực đầu tư (thủ tục điều chỉnh vốn, điều chỉnh danh mục đầu tư...) vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế, thủ tục còn rườm rà, chưa thật sự tạo thuận lợi cho các địa phương.

Bên cạnh đó, việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức cũng còn một số bất cập, hạn chế, cụ thể là đối với việc tiếp nhận, chuyển công chức, viên chức ngoài tỉnh do thực hiện phân cấp khác nhau. Theo đó, để biết chính xác cơ quan nào có thẩm quyền chuyển, tiếp nhận thì phải xem phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đó. Ngoài ra, còn có tình trạng không đồng nhất trong quy trình, thời gian giải quyết việc tiếp nhận, chuyển công chức, viên chức ngoài tỉnh đã gây rất nhiều khó khăn cho cá nhân khi liên hệ chuyển công tác, gây lãng phí về thời gian, chi phí đi lại để liên hệ giải quyết công việc, bổ sung hồ sơ.

c) Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực:

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng trong thực hiện các nhiệm vụ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành phân cấp cho UBND tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước cho UBND huyện, thị xã, thành phố và UBND cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ đạo việc niêm yết công khai, đầy đủ thủ tục hành chính về công tác chuyển, tiếp nhận, về hồ sơ, quy trình và thời gian giải quyết hồ sơ cho tổ chức và công dân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung nhiệm vụ đã được phân cấp cho UBND huyện, thị xã, thành phố và UBND cấp xã.

7. Công tác quản lý nhà nước về hội

a) Thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2284/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2010 ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Quy Nhơn cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; giải thể; đổi tên phê duyệt Điều lệ và công nhận Ban Lãnh đạo đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn; Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách và quy định chế độ, chính sách đối với các hội có tính chất đặc thù hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quyết định số 913/QĐ-

UBND ngày 01/4/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách đối với hội có tính chất đặc thù quy định tại Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2013; Công văn số 3309/UBND-NC ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh về công tác quản lý hội đặc thù.

Nhìn chung các hội được thành lập trên địa bàn tỉnh hoạt động có nề nếp và hiệu quả. Công tác báo cáo về tổ chức, hoạt động của hội theo định kỳ được thực hiện nghiêm túc giúp cơ quan quản lý về ngành, lĩnh vực hội hoạt động nắm bắt được tình hình thực tế của hội để quan tâm, giúp đỡ và định hướng cho hội hoạt động được tốt hơn. Các hội đã thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đã giáo dục, động viên, tập hợp đông đảo hội viên giúp đỡ nhau phát triển chuyên nghề, bảo đảm được quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Bên cạnh những kết quả đạt được, các tổ chức hội còn bộc lộ một số hạn chế như: Hoạt động của một số hội còn mang tính hành chính, hiệu quả không cao; tổ chức và hoạt động của một số hội còn lỏng lẻo, Ban lãnh đạo Hội chưa thật sự coi trọng công tác xây dựng Hội, thiếu quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban kiểm tra, các quy định để triển khai thực hiện điều lệ hội chưa đảm bảo; chưa chủ động tạo nguồn kinh phí để hoạt động, còn nặng tư tưởng nhận trợ cấp, hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước; một số hội tính vận động, tự nguyện chưa cao, còn áp đặt giao chỉ tiêu.

Một số Hội cấp phường, xã không đủ điều kiện để được công nhận Hội đặc thù nên kinh phí hoạt động không có; cán bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ hội thiếu nhiệt tình.

c) Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả đối với công tác quản lý nhà nước về hội trong thời gian tới đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Trên cơ sở những văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, tổ chức triển khai phổ biến quán triệt rộng rãi đến các Hiệp hội, các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị có liên quan để các tổ chức, tập thể, cá nhân nghiên cứu, tìm hiểu, tiếp thu, bổ sung, nâng cao nhận thức của mình. Về hình thức phổ biến, quán triệt có thể vận dụng nhiều hình thức như tổ chức các lớp tập huấn, học tập ngắn ngày...

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong tổ chức, hoạt động của các tổ chức hội.

- Rà soát, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, trong đó có quy định quản lý nhà nước về hội.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

- Quốc hội sớm ban hành Luật về hội, làm cơ sở cho các Bộ, ngành xây dựng hệ thống văn bản quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội thống nhất từ Trung ương đến địa phương, trong đó quy định rõ các nhiệm vụ mà Đảng và

Nhà nước giao cho các hội để làm cơ sở cấp ngân sách đối với hội thực hiện nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao.

- Sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức theo hướng bổ sung các chức danh: Văn phòng Đảng ủy, Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, Trưởng Đài truyền thanh ở xã vào thành chức danh công chức cấp xã nhằm kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở.

2. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành các Nghị định quy định cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa - thể thao, du lịch, thông tin, báo chí..., để làm cơ sở cho các địa phương thống nhất triển khai thực hiện.

- Theo quy định hiện hành, việc cho phép thành lập hội trong tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Tuy nhiên, nhu cầu thành lập hội hiện nay là khá lớn và có rất nhiều hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã. Vì vậy đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sớm phân cấp cho UBND cấp huyện thẩm quyền cho phép thành lập, quản lý đối với hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã.

- Hiện nay tình trạng một số chủ rừng được Nhà nước giao rừng để quản lý, bảo vệ và sử dụng nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm để rừng bị phá và khai thác trái phép diễn ra không ít, cần có các biện pháp chế tài để xử lý đối với các chủ rừng này. Do đó, đề nghị bổ sung Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ điều, khoản quy định về xử lý trách nhiệm của chủ rừng được nhà nước giao rừng, thuê rừng tự nhiên hoặc rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại để quản lý, bảo vệ và sử dụng vào mục đích lâm nghiệp trong trường hợp rừng bị phá và bị khai thác rừng trái phép.

- Đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã, nhất là xã vùng trọng điểm, an ninh quốc phòng loại 2 cần được bổ sung thêm 01 Phó Chủ tịch để tạo điều kiện thuận lợi giải quyết công việc và chỉ đạo, điều hành; sửa đổi, bổ sung quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật công chức.

- Xem xét, đề xuất đưa các khoản phụ cấp vào lương (như phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, phụ cấp ngành) để đảm bảo tính công bằng, thống nhất trong thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

3. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương khi ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn ở địa phương chỉ nên mang tính định hướng và khống chế số lượng tối đa mà không nên quy định cụ thể để triển khai thực hiện theo tình hình thực tế ở địa phương; hướng dẫn cụ thể khung năng lực của từng vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức;



- Các Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công; ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; ban hành các Thông tư và các văn bản hướng dẫn cơ chế tự chủ để các cơ quan, đơn vị, địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm ban hành văn bản quy định nội dung, quy trình, thủ tục thực hiện nghiệm thu kết thúc dự án theo quy định tại Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh để địa phương có cơ sở thực hiện; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành quy định về việc thực hiện giá dịch vụ công thủy lợi.

- Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện và tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo hình thức Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Đề nghị Bộ Nội vụ sửa đổi, ban hành các quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ cấp xã theo vị trí việc làm; quy định cụ thể việc chuyển cán bộ cấp xã thành công chức cấp xã; quy định về chế độ thôi việc và xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã; ban hành quy định về tiêu chí phân loại đối với thôn, tổ dân phố, tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện thống nhất việc phân loại, bố trí các chức danh và khoán quỹ chi trả phụ cấp hàng tháng đối với các chức danh công tác thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP.

Trên đây là tình hình thực hiện chính sách, pháp luật hành chính công trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2011 đến nay, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ban Soạn thảo Dự án Luật hành chính công - Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, tổng hợp, phục vụ cho công tác xây dựng Luật hành chính công. /.

Nơi nhận:

- BSTDALHCC- UBTV QH;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



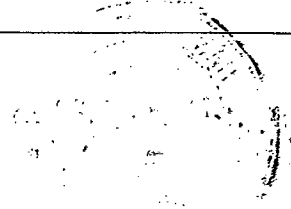
Hồ Quốc Dũng

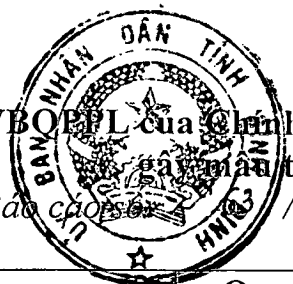
Phụ lục I

VPPL của Quốc hội, UBTVQH còn có quy định
khó thực hiện, vướng mắc trong thực tiễn
(kèm theo Báo cáo số BC-UBND ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)



STT	Tên, trích yếu văn bản	Quy định nào gây vướng mắc, khó thực hiện trong thực tiễn	Nguyên nhân gây vướng mắc	Kiến nghị
1	Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13	Điều 8 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thời hạn trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định tại Bộ luật Dân sự	Để đảm bảo về mặt thời hạn ban hành quyết định xử phạt trong trường hợp các hồ sơ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng đã được xác lập hoặc do các cơ quan khác chuyển đến để xử lý, thì những ngày được nghỉ quy định tại Điều 73 của Bộ luật Lao động thì lực lượng kiểm lâm phải hoạt động nghiệp vụ cho kịp thời gian; nhưng những ngày lễ, ngày nghỉ các cơ quan, tổ chức có liên quan được nghỉ thì lực lượng kiểm lâm không thể phối hợp để xác minh, điều tra.	Thời hạn xử lý vi phạm hành chính được quy định theo Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng trừ các ngày được nghỉ quy định tại Điều 73 của Bộ luật Lao động.
2	Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13	Khoản 2 Điều 58 và Khoản 9 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính	Do đặc thù của ngành, lực lượng kiểm lâm thường phát hiện đối tượng vi phạm ở trong rừng sâu, xa nơi dân cư sinh sống; hoặc phát hiện đối tượng vi phạm vận chuyển lâm sản vào đêm khuya, nên khó khăn trong việc nhờ người làm chứng.	Trường hợp lực lượng Kiểm lâm thi hành công vụ khi phát hiện đối tượng vi phạm ở trong rừng sâu, xa nơi dân cư sinh sống; hoặc phát hiện đối tượng vi phạm vận chuyển lâm sản vào đêm khuya mà đối

				tượng bỏ trốn hoặc không chịu ký vào biên bản thì chỉ cần chữ ký của một người làm chứng.
3	Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13	Điểm 1 Khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính	Không xác định được số lượng, trị giá hàng hóa vi phạm để có căn cứ áp dụng hình thức xử phạt tăng nặng đối với hành vi vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn để mang tính răn đe cao.	Có quy định cụ thể là bao nhiêu?



PHỤ LỤC II

Các VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ còn có quy định khó thực hiện,
(gây mất thuần, chông chéo, vướng mắc trong thực tiễn)

(kèm theo Báo cáo số 2/BC-UBND ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Tên, trích yếu văn bản	Quy định nào gây vướng mắc, khó thực hiện trong thực tiễn	Nguyên nhân gây vướng mắc	Kiến nghị
1	Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.	- Điều 24, quy định về điều kiện kinh doanh vũ trường, phòng khiêu vũ phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên. - Điều 30, quy định về điều kiện kinh doanh karaoke, địa điểm hoạt động karaoke phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên.	Thực tế một số cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường đầu tư cơ sở vật chất khang trang, lắp đặt trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, tổ chức kinh doanh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân, nhưng không đủ khoảng cách theo quy định nên không được cấp giấy phép kinh doanh. Quy định trên đã gây khó khăn đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và cá nhân, ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của công dân.	Đề nghị Chính phủ sửa đổi Điều 24 và Điều 30 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, theo hướng tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cá nhân phát huy quyền tự do kinh doanh đối với những ngành nghề mà pháp luật không cấm, có thể quy định giảm khoảng cách từ phòng khiêu vũ, địa điểm hoạt động karaoke đến trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 100m trở lên, hoặc quy

				định trên chỉ áp dụng đối với những trường hợp cá biệt để đảm bảo tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu của chính quyền địa phương.
2	Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo	Điều 12 quy định “ <i>Việc quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt quy định từ Điều 3 đến Điều 11 Nghị định này chỉ thực hiện sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung quảng cáo</i> ”	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo không được quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật Quảng cáo.	Bãi bỏ Điều 12 Nghị định 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013
3	Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; các Thông tư Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động các môn thể thao	Điều 11 quy định đối tượng đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thể thao là <i>Doanh nghiệp</i> .	Thực tế tại địa phương doanh nghiệp không nhiều mà chỉ có những hộ kinh doanh cá thể nhỏ lẻ. Vì vậy, cá nhân kinh doanh hoạt động thể thao không đủ điều kiện để xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức hoạt động. Vấn đề này gây khó khăn trong công tác quản lý cho cơ quan nhà nước.	Bổ sung Điều 11 đối tượng xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thể thao là <i>Cá nhân, Hộ kinh doanh cá thể</i> .



Phụ lục III

Các VBQPPL của Bộ, ngành còn có những quy định khó thực hiện,
suy mâu thuẫn, chồng chéo, vướng mắc trong thực tiễn

(kèm theo Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Số hiệu VB, trích yếu nội dung văn bản	Quy định nào gây vướng mắc, khó thực hiện trong thực tiễn	Nguyên nhân gây khó khăn vướng mắc	Kiến nghị sửa đổi
1	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.		- Một số biểu mẫu biên bản kiểm tra, phân loại đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản còn dùng chung cho nhiều loại hình cơ sở (ví dụ biểu mẫu BB 3.3...); - Cơ sở sản xuất kinh doanh muối chưa có biểu mẫu đánh giá.	Bổ sung Biểu mẫu đánh giá cho Cơ sở sản xuất, kinh doanh doanh muối và có biểu mẫu riêng đánh giá cho từng loại hình
2	Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	Điểm b, Khoản 2, Điều 2: Đối với các đối tượng cán bộ, công chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu cán bộ đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với khu vực vùng cao, hải đảo; miền núi khó khăn, vùng sâu) và từ 15 km trở lên (đối với vùng còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của	Theo quy định trên khi cán bộ đi công tác thanh toán theo chế độ khoán tiền tự túc phương tiện theo số km thực đi nhân với đơn giá khoán (bao gồm tiền nhiên liệu và khấu hao xe) thì phải cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với khu vực vùng cao, hải đảo; miền núi khó khăn, vùng sâu) và từ 15 km trở lên (đối với vùng còn lại). Tuy nhiên, đối với đơn vị khi cán bộ thực hiện nhiệm vụ công tác (ví dụ như kiểm tra định	Sửa đổi, bổ sung nội dung cho phù hợp với thực tiễn đảm bảo điều kiện đơn vị vừa thực hiện được nhiệm vụ được giao, vừa tiết kiệm được chi phí quản lý

		mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện theo số km thực đi nhân với đơn giá khoán (bao gồm tiền nhiên liệu và khấu hao xe).	kì, kiểm tra đánh giá xếp loại các cơ sở SXKD nông lâm thủy sản) địa bàn phân bố của các cơ sở có thể cách trụ sở cơ quan dưới 15 Km, nhưng tổng số quãng đường cán bộ sử dụng xe máy cá nhân đi công tác (kiểm tra đánh giá nhiều cơ sở/ ngày) lớn hơn nhiều. Nhưng chiếu theo quy định thì không có cơ sở để thanh toán tiền khoán phương tiện cá nhân cho cán bộ.	
3	Thông tư 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý giống thủy sản	Điều 18. Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu	- Khi cơ sở nhập khẩu giống thủy sản (giống tôm bố mẹ) về tới TP. Hồ Chí Minh thì đã được Cơ quan Thú y Vùng VI lấy mẫu kiểm dịch. Đến khi lô hàng về tới địa điểm thực hiện cách ly kiểm dịch (tại công ty) thì được Cơ quan Thú y Vùng IV tới lấy mẫu kiểm dịch lần 2. Sau khi kết thúc thời gian cách ly kiểm dịch (10 ngày) thì cơ quan được Tổng cục Thủy sản ủy quyền kiểm tra chất lượng tiếp tục kiểm tra lần 3. - Thời gian kiểm tra quá gần, gây khó khăn cho cơ sở (ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe tôm bố mẹ). - Chồng chéo nhiệm vụ giữa Tổng cục Thủy sản và Cục Thú y.	Không thực hiện kiểm tra chất lượng lần 3 sau khi Cơ quan Thú y Vùng IV đã lấy mẫu kiểm tra (lần 2).
4			Hiện nay có trường hợp cơ sở nhập tôm giống (khoảng 5-10 g/con) để nuôi nâng cấp đạt khối lượng tôm bố mẹ (tôm cái không dưới 45 g/cá thể; tôm đực không	Đề nghị Tổng cục Thủy sản hướng dẫn cách quản lý tôm bố mẹ trong

			dưới 40 g/cá thể) để đưa vào sản xuất.	trường hợp này.
5	Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 Quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ	Tại Khoản 1 Điều 6 Chương II: Đảm bảo các điều kiện về địa điểm, nguồn nước để nuôi trồng thủy sản an toàn thực phẩm.	Khi tiến hành kiểm tra không có quy định kỹ thuật để đánh giá được điều kiện về địa điểm nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm.	Bổ sung các quy định kỹ thuật về cơ sở hạ tầng như: Ao nuôi, ao chứa/lắng, ao xử lý nước thải.
5	TT 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 về việc Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ	Tại khoản 3 Điều 6: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy chế đăng kiểm tàu cá ban hành kèm theo Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007 có ghi rõ: bãi bỏ Điều 14 của Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN, tức là bãi bỏ Thủ tục phê duyệt hồ sơ thiết kế	Theo sửa đổi này thì cơ quan thiết kế không phải trình cho cơ quan đăng kiểm duyệt thiết kế, như vậy cơ quan nào sẽ chịu trách nhiệm duyệt thiết kế	Bãi bỏ khoản 3 Điều 6 của TT 24/2011/TT-BNNPTNT